

Tiết 35: TỪ ĐỒNG NGHĨA

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT: HS nắm được

1. Kiến thức:

- Khái niệm từ đồng nghĩa
- Từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn

2. Kỹ năng

- Nhận biết từ đồng nghĩa trong văn bản
- Phân biệt từ đồng nghĩa hoàn toàn và từ đồng nghĩa không hoàn toàn
- Sử dụng từ đồng nghĩa phù hợp với ngữ cảnh
- Phát hiện lỗi và chữa lỗi dung từ đồng nghĩa.

3. Thái độ: Có ý thức lựa chọn, sử dụng từ đồng nghĩa cho phù hợp với thực tế khách quan và sắc thái biểu cảm để giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

II. CHUẨN BỊ.

- GV: Thiết kế bài giảng, máy chiếu, ca-me-ra, phiếu bài tập
- HS soạn bài, tra từ điển tìm hiểu ý nghĩa của các từ đồng nghĩa theo hướng dẫn của GV.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG.

1. Ổn định tổ chức.

2. Kiểm tra bài cũ: KT việc chuẩn bị bài của HS

3. Bài mới: *Tình huống*

HD của thầy	HD của trò	Kết quả cần đạt
<p><u>HD 1. HDHS tìm hiểu thế nào là từ đồng nghĩa.</u></p> <p>- GV gọi HS đọc VB “Xa ngắm thác núi Lư” (Lý Bạch)</p> <p>H. Hãy giải thích ý nghĩa của từ “rọi” và “trông” trong VB.</p> <p>-> “Rọi”: chiếu sáng; “trông”: nhìn để nhận biết</p> <p>H. Dựa vào kiến thức đã học ở bậc tiểu học, hãy tìm các từ đồng nghĩa với những từ trên.</p> <p>H. Trong hai nhóm từ đồng nghĩa này, nhóm nào có ý nghĩa giống nhau, nhóm nào có nghĩa gần giống nhau? Vì sao?</p> <p>- GV gọi HS lên thực hiện động tác: nhìn, trông, liếc, ngắm, nhòm...</p> <p>H. Thế nào là từ đồng nghĩa?</p>	<p>- HS đọc</p> <p>- HS giải thích</p> <p>- HS phát hiện</p> <p>- HS phân tích</p> <p>- 1 HS thực hành, các bạn khác nhận xét</p> <p>- HS phát biểu</p>	<p><u>I. Thế nào là từ đồng nghĩa?</u></p> <p>1. PTVD (SGK - 113)</p> <p>Tìm từ đồng nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rọi: chiếu, soi... - Trông: nhìn, ngắm, liếc, nhòm, ngó... <p>-> <i>Nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau</i></p>

<p>Bài tập nhanh: Tìm các từ đồng nghĩa chỉ những đức tính tốt của HS.</p> <p>GV. “Trông” là một từ nhiều nghĩa, ngoài ý nghĩa là “nhìn để nhận biết” còn có ý nghĩa là: + <i>Coi sóc, giữ gìn cho yên ổn: coi, trông coi, chăm sóc...</i> + <i>Mong: chờ, đợi, mong đợi, mong chờ...</i></p> <p>H. Tìm các từ đồng nghĩa với từ “trông” trong các trường hợp đó.</p> <p>H. Từ hiện tượng này, em rút ra nhận xét gì?</p> <p>- GV gọi HS đọc ghi nhớ</p> <p><u>Bài tập 1:</u> Tìm các từ Hán Việt đồng nghĩa với những từ sau đây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - nhà thơ / thi sĩ - nước ngoài / ngoại quốc - chỏ biển / hải cẩu - năm học / niên học <p><u>Bài tập 2:</u> Nối các từ đồng nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe hơi / ô tô - Máy thu thanh / ra-đi-ô - Dương cầm / pi-a-nô <p>=> GV chốt: Với nhiều từ thuần Việt ta có thể tìm thấy các từ đồng nghĩa Hán Việt hoặc từ mượn gốc Ấn – Âu tương ứng</p> <p><u>Bài tập 3:</u> Tìm một số từ địa phương đồng nghĩa với từ toàn dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợn / heo - Na / măng cầu - Hoa / bông - Mũ / nón <p>=> Với nhiều từ toàn dân, ta cũng có thể tìm được các từ địa phương đồng nghĩa tương ứng.</p> <p>=> GV chốt – liên hệ tình huống:</p> <p>H. Trong trường hợp nào ta nên sử dụng từ toàn dân, trường hợp nào nên sử dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS vận dụng tìm từ - HS phát hiện - HS vận dụng tìm từ - HS nhận xét - HS đọc 	<p>-> Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.</p> <p>2. Ghi nhớ (SGK - 114)</p>
--	---	--

<p>từ địa phương? Vì sao? -> Khi ở địa phương hoặc giao tiếp với người địa phương thì nên sử dụng từ địa phương còn những trường hợp còn lại nên sử dụng từ toàn dân để mọi người cùng hiểu.</p> <p>Dẫn: Hiện tượng đồng nghĩa đã góp phần tạo nên sự phong phú, giàu đẹp cho TV. Để hiểu rõ hơn về các loại từ đồng nghĩa đặc biệt là cách sử dụng từ đồng nghĩa để giữ gìn sự trong sáng của TV => tìm hiểu phần II.</p> <p><u>HD 2. HDHS tìm hiểu các loại từ đồng nghĩa và cách sử dụng các từ đồng nghĩa</u></p> <p>- GV gọi HS đọc VD</p> <p>- Hướng dẫn HS thảo luận nhóm:</p> <p>+ So sánh nghĩa của các cặp từ: quả - trái, bỏ mạng - hi sinh</p> <p>+ Thử thay các từ đồng nghĩa “quả” và “trái”; “bỏ mạng” và “hi sinh” cho nhau rồi rút ra nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>H. Có mấy loại từ đồng nghĩa? Cần chú ý điều gì khi sử dụng các từ đồng nghĩa?</p> <p>- GV gọi HS đọc ghi nhớ</p> <p>Bài tập 5: Phân biệt nghĩa của các từ: cho, biếu, tặng</p> <p>- Nghĩa chung: Trao một cái gì đó cho người khác mà không đòi hay đổi lấy gì cả.</p> <p>- Khác nhau về sắc thái ý nghĩa:</p> <p>+ Biếu: người trao vật có ngời thứ thấp hơn người nhận -> sắc thái kính trọng</p> <p>+ Tặng: người trao vật không phân biệt ngời thứ với người nhận, vật được trao</p>	<p>- HS đọc</p> <p>- Thảo luận nhóm (bàn) , một nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- HS khái quát</p> <p>- HS đọc HS vận dụng làm bài</p>	<p><u>II. Các loại từ đồng nghĩa và cách sử dụng các từ đồng nghĩa.</u></p> <p>1. PTVD</p> <p>a) quả - trái: <i>đồng nghĩa hoàn toàn -> có thể thay thế cho nhau</i></p> <p>b)</p> <p>- bỏ mạng: chết một cách vô ích -> sắc thái khinh bỉ</p> <p>- hi sinh: chết vì nghĩa vụ, lí tưởng cao đẹp -> sắc thái kính trọng</p> <p>=> <i>đồng nghĩa không hoàn toàn => cần lựa chọn từ phù hợp.</i></p> <p>2. Ghi nhớ 2 (SGK-114, 115)</p>
---	---	---

<p>thường để khuyến khích, động viên -> sắc thái thân mật, trân trọng + Cho: người trao vật có ngôi thứ cao hơn hoặc ngang bằng người nhận -> sắc thái bình thường. - GV yêu cầu HS đặt câu để phân biệt nghĩa của các từ này.</p>		
<p>HD 3. HDHS luyện tập, củng cố. Bài tập 4. Tìm các từ đồng nghĩa thay thế cho các từ gạch chân - Đưa / trao / gửi - Kêu/ phàn nàn/ rên - Đi/ mất Bài tập 6. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm. Bài tập 9. Chữa các từ dung sai: - Giảng dạy -> dạy - Bao che -> che chở - Trình bày -> trưng bày Bài tập 5. Phân biệt nghĩa của các từ: a) Ăn , xoi, chén: Nghĩa chung: cho thức ăn vào miệng nhai và nuốt. - Ăn: sắc thái bình thường - Xoi: sắc thái trang trọng, - Chén: sắc thái thân mật, thô tục => Khác nhau về sắc thái biểu cảm b) Xinh, đẹp Nghĩa chung: vẻ đẹp - Xinh: đẹp về hình thức - Đẹp: đẹp về cả hình thức và nội dung => Khác nhau về sắc thái ý nghĩa. - GV yêu cầu HS đặt câu để phân biệt</p>	<p>HS vận dụng làm bài tập</p>	<p>III. Luyện tập. Bài tập 4 (SGK - 115) Bài tập 6 (SGK - 116) Bài tập 9 (SGK - 117)</p>

4. Củng cố:

- Thế nào là từ đồng nghĩa?
- Có mấy loại từ đồng nghĩa? Khi sử dụng từ đồng nghĩa cần chú ý điều gì?

5. Hướng dẫn học bài ở nhà.

- Học bài
- Hoàn thành các bài tập còn lại
- Soạn: Từ trái nghĩa